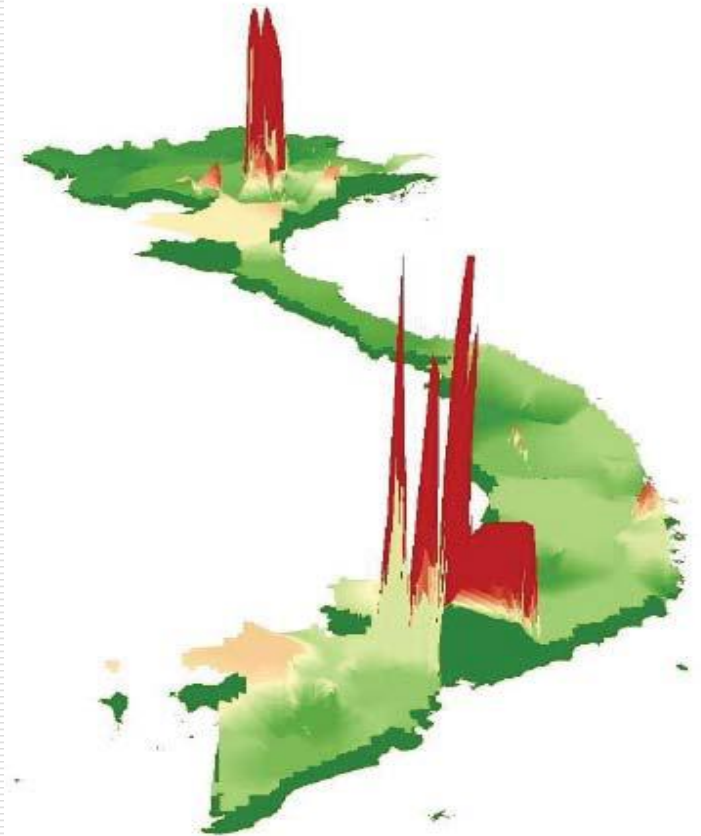


TỪ KHU KINH TẾ ĐẾN PHÁT TRIỂN VÀ LIÊN KẾT VÙNG: TẠO ĐỘT PHÁ THỂ CHẾ

Huỳnh Thế Du
Đinh Công Khải
Huỳnh Trung Dũng
Hoàng Văn Thắng
Nguyễn Thị Hồng Nhung



GIỚI THIỆU

- ✓ Ba mũi đột phá: thể chế, nguồn nhân lực và CSHT;
 - ✓ Thể chế là nút thắt quan trọng nhất cần khơi thông;
 - ✓ Cải cách đồng bộ thường không thành công mà cần phải tập trung vào các điểm nhỏ được cách ly;
 - ✓ Dùng KTT để cải cách thể chế đã được áp dụng ở nhiều nước;
 - ✓ KTT đã được thử nghiệm rất lâu ở Việt Nam và những kết quả đạt được khá trái chiều;
 - ✓ Ở Việt nam mô hình khu kinh tế gắn với các đột phá và cải cách thể chế đang được bàn thảo.
-

VẤN ĐỀ ĐẶT RA

- ✓ Có thể sử dụng mô hình KTT để cải cách thể chế hay không?
 - ✓ Những thách thức và điều kiện cần có là gì?
-

NỘI DUNG TRÌNH BÀY

1. Những vấn đề chung về khu kinh tế
 2. Kinh nghiệm phát triển khu kinh tế trên thế giới
 3. Thực tế phát triển khu kinh tế ở Việt Nam
 4. Kết luận và hàm ý chính sách
-

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KHU KINH TẾ

1. Khái niệm
2. Mục tiêu
3. Các loại hình KKT
4. Lợi ích của KKT
5. Các chi phí hình thành KKT
6. Các tiêu chí đánh giá KKT

KHÁI NIỆM KHU KINH TẾ

- ✓ Khu vực độc lập hay có ranh giới địa lý xác định;
 - ✓ Chỉ chịu ảnh hưởng bởi một cơ quan quản lý duy nhất;
 - ✓ Các thủ tục, chính sách áp dụng cho doanh nghiệp trong KKT có một cơ chế riêng, độc lập, và có sự đột phá theo hướng thủ tục ngày càng gọn nhẹ;
 - ✓ Có những ưu đãi nhất định để thu hút đầu tư.
-

MỤC TIÊU CỦA CÁC KTT

1. Thu hút đầu tư, nhất là đầu tư trực tiếp nước ngoài;
 2. Phát triển cơ sở hạ tầng;
 3. Hỗ trợ cho chiến lược cải cách kinh tế rộng lớn hơn;
 4. Là phòng “thí nghiệm” cho các chính sách và cách tiếp cận mới;
 5. Giải tỏa một phần áp lực của tăng dân số và nhu cầu việc làm.
-

CÁC LOẠI HÌNH KHU KINH TẾ

- ✓ **Khu tự do mậu dịch (Free Trade Zones):** Những khu vực nhỏ được rào chắn hay cách ly và miễn thuế, thường nằm tại các cửa khẩu.
 - ✓ **Khu chế xuất (Export Processing Zones):** KCN cung cấp các ưu đãi và tiện ích đặc biệt cho sản xuất và các hoạt động liên quan nhằm mục tiêu chủ yếu là thị trường xuất khẩu.
 - ✓ **Đặc khu kinh tế (Special Economic Zone):** Bao hàm nhiều loại hoạt động kinh doanh; cho phép người dân sinh sống trong khu vực và cung cấp các chính sách khuyến khích và ưu đãi rộng lớn hơn.
 - ✓ **Khu chuyên dụng (Specialized Zones):** Chỉ hướng đến các lĩnh vực hoặc hoạt động kinh tế nhất định như các khu KHCN, khu hóa dầu, khu hậu cần.
 - ✓ **Khu đơn xưởng (Single Factory EPZ):** Cung cấp các khuyến khích và ưu đãi cho từng doanh nghiệp chứ không quan tâm đến địa điểm.
 - ✓ **Khu doanh nghiệp (Enterprise Zones):** Dự định làm tái sinh lại các khu vực thành thị hoặc nông thôn nghèo nàn thông qua cung cấp các khuyến khích về thuế và trợ cấp tài chính.
-

CÁC LỢI ÍCH CỦA KHU KINH TẾ

✓ Lợi ích tĩnh:

- Trực tiếp tạo việc làm và thu nhập cho NLĐ;
- Tăng trưởng và đa dạng hóa xuất khẩu;
- Tăng nguồn thu ngoại hối;
- Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

✓ Lợi ích động:

- Tạo việc làm gián tiếp;
- Nâng cấp nền CN;
- Chuyển giao công nghệ;
- Nâng cấp kỹ năng quản lý và lao động;
- Mô hình thực hành chính sách lý tưởng;
- Liên kết và PT vùng

Xu hướng: Chú trọng vào các lợi ích động, có tác động to lớn và mang tính chất dài hạn đối với sự phát triển của cả quốc gia.

CÁC CHI PHÍ CỦA KHU KINH TẾ

✓ Các chi phí trực tiếp:

- Chi phí hình thành và duy trì bộ máy quản lý KKT mới;
- Các chi phí đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng;
- Các khoản ưu đãi (miễn giảm thuế, ưu đãi tiền thuê đất, tín dụng...).

✓ Các chi phí gián tiếp:

- Giảm thu ngân sách do sự dịch chuyển doanh nghiệp từ bên ngoài vào KKT;
 - Tác động chèn lấn nguồn lực của khu vực kinh tế nội địa do các doanh nghiệp trong KTT được nhiều ưu đãi;
 - Các tác động xã hội do sự phát triển KTT: tác động tiêu cực từ thu hồi đất và tái định cư, sự ô nhiễm môi trường...
-

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

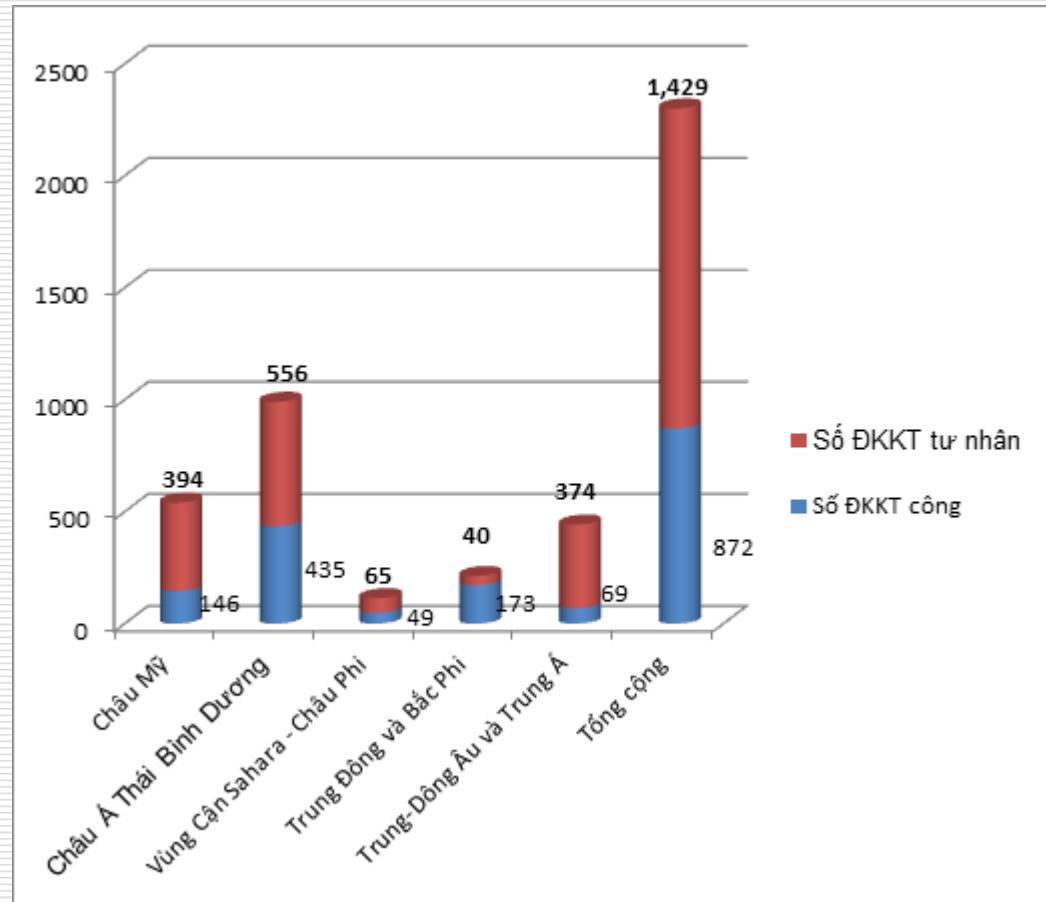
1. Số dự án, số doanh nghiệp tham gia đầu tư vào KKT
 2. Tỷ lệ lấp đầy diện tích
 3. Thu hút FDI
 4. Lao động
 5. Kim ngạch xuất khẩu
 6. Đóng góp vào ngân sách
 7. Chất lượng môi trường sống
 8. Mức độ áp dụng các công nghệ tiên tiến
 9. Mức độ áp dụng các chính sách mới
 10. Mức độ liên kết và phát triển vùng
 11. Mức độ hỗ trợ cho các cải cách chính sách quốc gia
 12. Các chi phí bỏ ra đầu tư xây dựng và quản lý KKT
 13. Các hậu quả từ phát triển KKT
-

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

1. Các thông tin chung
2. Kinh nghiệm các nước
 - ✓ Trung Quốc
 - ✓ Ấn Độ
 - ✓ Hàn Quốc
 - ✓ Đài Loan
 - ✓ Indonesia
 - ✓ Malaysia

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KTT TRÊN THẾ GIỚI

- ✓ 3000 KTT ở 135 nước
- ✓ 68 triệu việc làm
- ✓ 500 tỷ USD giá trị thương mại
- ✓ Trung chủ yếu ở châu Á-TBD, Trung và Đông Âu, và Trung Á



Nguồn: World Bank 2008

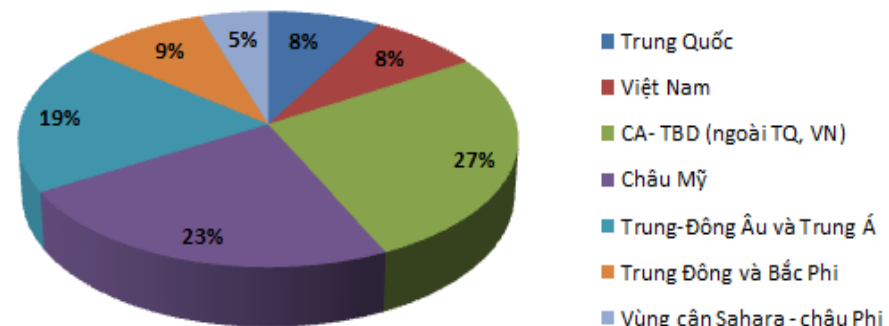
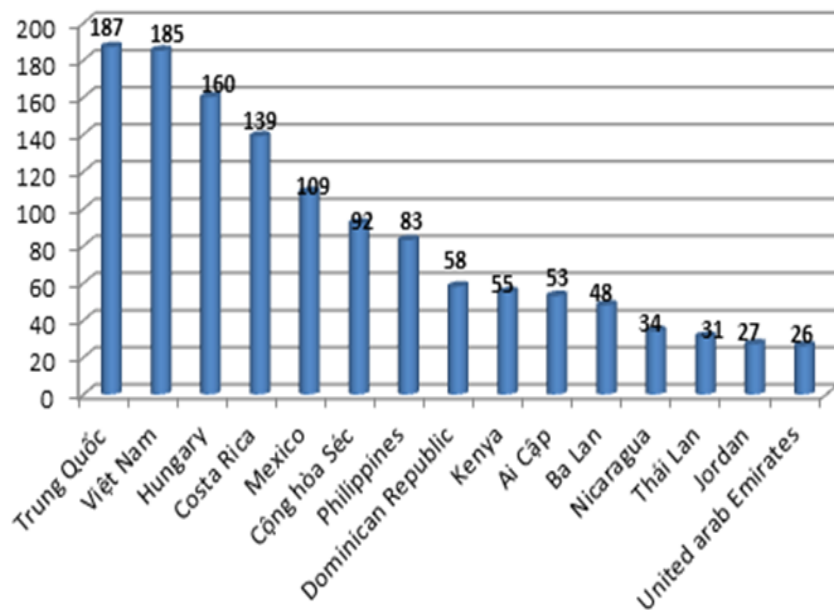
BỐN GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN

- ✓ Giai đoạn sơ khai (trước 1970s)
 - Nằm ở các quốc gia đã công nghiệp hóa
 - ✓ Mô hình biệt lập (Enclave -1970s)
 - Nằm ở vùng xa hoặc gần đầu mối giao thông → phát triển vùng,
 - Cho các doanh nghiệp là xuất khẩu từ 80-100%
 - Phát triển ở Đông Á, Mỹ Latinh, và Trung Đông
 - ✓ Khu tự do truyền thống tập (1980s)
 - Tập trung vào các ngành thâm dụng lao động, với 60-70% là nữ,
 - Được xây dựng, vận hành và quản lý bởi một đơn vị
 - Phát triển mạnh ở nam Á, Mỹ Latinh, vùng cận Sahara.
 - ✓ Mô hình mở (từ 1990s)
 - Lợi ích động
 - Tăng cường kết nối, chuyển đổi cơ cấu kinh tế
-

MÔ HÌNH MỞ

- ✓ Thay đổi từ thúc đẩy xuất khẩu, tạo việc làm, chuyển giao công nghệ sang thúc đẩy thương mại, tự do hóa và hội nhập;
 - ✓ Chính sách tự do mở rộng hơn;
 - ✓ Khuyến khích tư nhân tham gia xây dựng phát triển;
 - ✓ Vai trò cơ quan quản lý ngày càng thu hẹp.
-

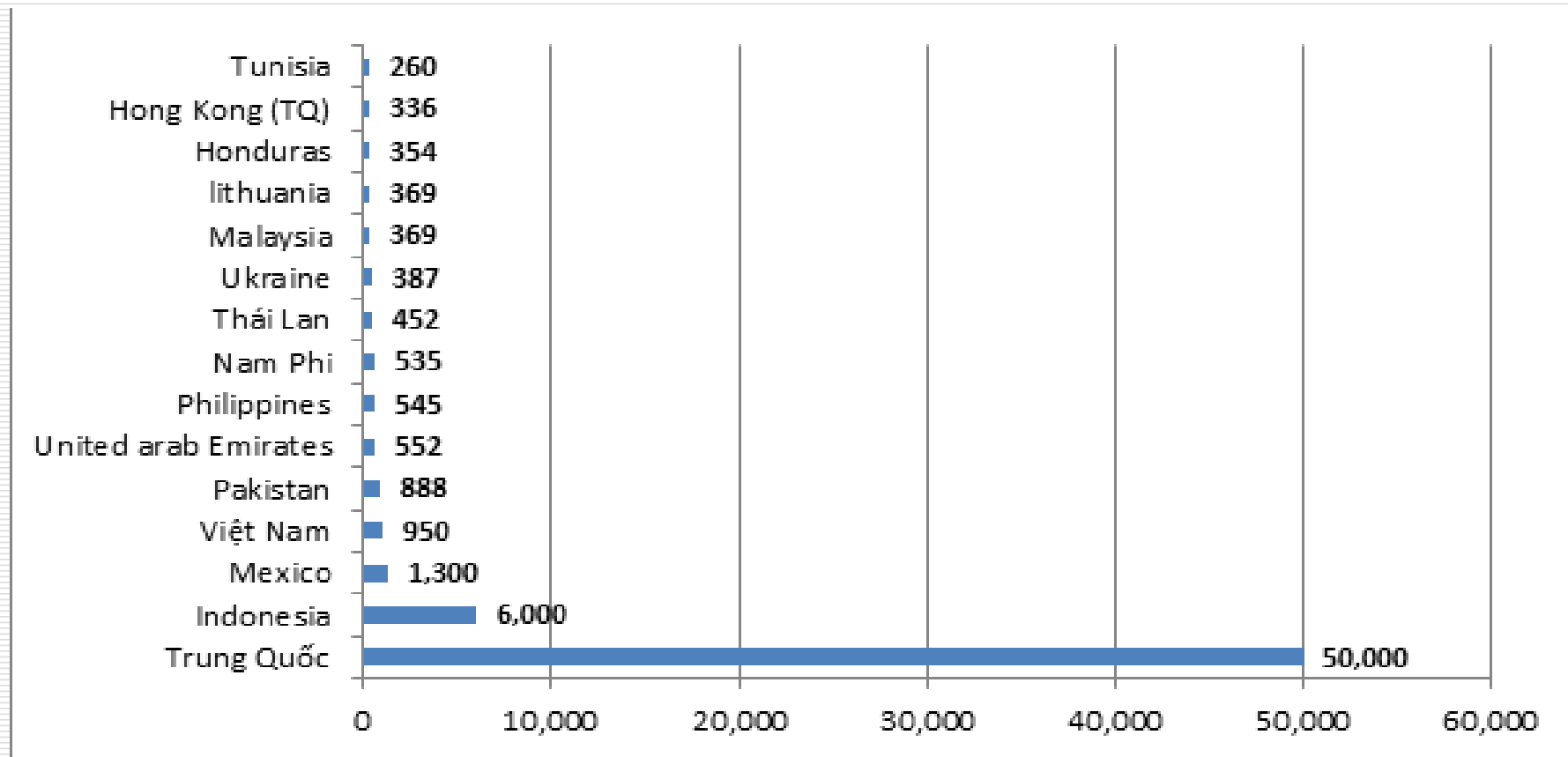
PHÂN BỐ CỦA CÁC KHU KINH TẾ



Nguồn: World Bank 2008

Nguồn: World Bank 2008

TẠO VIỆC LÀM CỦA CÁC KHU KINH TẾ



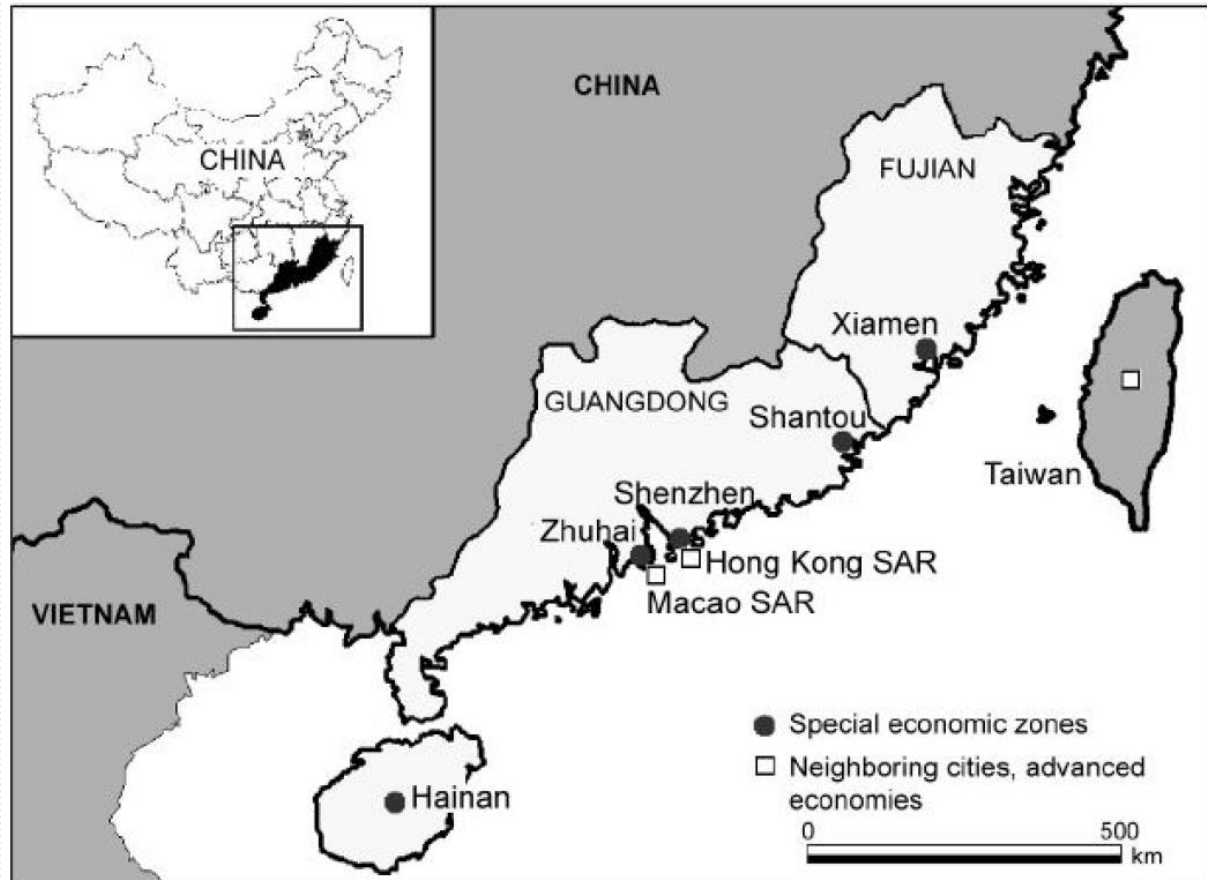
Nguồn: World Bank 2008

KINH NGHIỆM TỪ MỘT SỐ NƯỚC

- ✓ Trung Quốc
 - ✓ Ấn Độ
 - ✓ Hàn Quốc
 - ✓ Đài Loan
 - ✓ Indonesia
 - ✓ Malaysia
-

TRUNG QUỐC

- ✓ Nằm trong kế hoạch cải cách thể chế xây dựng một nước Trung Quốc mới của ĐTB;
- ✓ Thành công KKT đã và các nhân tố mới tạo ra một nước Trung Quốc mới.



THẨM QUYỀN

- Làng chài nhỏ 30.000 dân sau ba thập kỷ đã thành một trung tâm kinh tế năng động hàng đầu của Trung Quốc với 8.6 triệu dân;
 - Tăng trưởng GDP 30%/năm để GDP-2007 đạt 100 tỷ USD;
 - GDP-2007/người >10K USD và dự kiến 20K USD năm 2020.
 - Mặt trái:
 - ✓ Ô nhiễm không khí và nước ngày càng nghiêm trọng,
 - ✓ Khai thác quá mức lao động giá rẻ,
 - ✓ Bất bình đẳng xã hội,
 - ✓ Tỷ lệ tội phạm gia tăng
 - ✓ Thành phố không bản sắc
- Đây là mô hình được xem là thành công nhất thế giới.
-

TÔ CHÂU

- Thành lập vào năm 1994;
 - Tập trung vào các ngành khoa học công nghệ cao;
 - Thu hút hơn 3300 doanh nghiệp nước ngoài, trong đó có 82 tập đoàn đa quốc gia trong danh sách Fortune 500;
 - FDI tích lũy hơn 34 tỷ USD, XK đạt 30 tỷ USD (năm 2008);
 - Xếp thứ 2 về chỉ số MT đầu tư trong 57 KCN quốc gia của TQ và đứng đầu về CSHT, nguồn nhân lực và trách nhiệm XH.
 - Ba yếu tố then chốt cho thành công:
 - ✓ Cơ cấu đối tác và quản trị trong liên doanh;
 - ✓ Quá trình quy hoạch, phát triển và điều hành;
 - ✓ Quá trình học tập và chia sẻ kiến thức.
-

KHU TM TỰ DO THƯƠNG HẢI (SHANGHAI FREE TRADE ZONE – SHFTZ)

- ✓ Còn gọi là Khu Thương mại Tự do Thí điểm Trung Quốc
- ✓ Thành lập 2013, 28,78 km², bao gồm 4 khu ngoại quan.
- ✓ Mục đích:
 - Thử nghiệm những cải cách, chính sách mới;
 - Thúc đẩy tăng trưởng và chuyển đổi cơ cấu kinh tế;
 - Thể hiện cam kết đổi mới và dấu ấn chính trị của thể hệ lãnh đạo mới.
- ✓ Những đặc điểm chính của SHFTZ:
 - Mức ưu đãi chưa có như: DS cấm thay cho DS được phép hoặc khuyến khích đầu tư; thông báo kinh doanh thay cho xin phép;
 - Quyền tự chủ cao, thủ tục hành chính một cửa nhanh chóng, thuận lợi;
 - Đối xử bình đẳng giữa doanh nghiệp trong và ngoài nước;
 - Có thể tiếp cận tín dụng ưu đãi, cơ chế quản lý ngoại hối linh hoạt, nguồn nhân lực quốc tế có trình độ cao (ưu tiên về visa, thuế thu nhập), các dịch vụ chuyên nghiệp chất lượng cao (luật pháp, giáo dục, tư vấn).

BÀI HỌC TỪ TRUNG QUỐC

- Yếu tố dẫn đến thành công
 - ✓ Vị trí gần các trung tâm kinh tế lớn;
 - ✓ Cam kết mạnh mẽ và tính thực tế từ lãnh đạo cao cấp của quốc gia;
 - ✓ Sự ủng hộ mạnh mẽ và tham gia một cách chủ động của các cấp chính quyền
 - ✓ Các chính sách ưu đãi và tính tự chủ về mặt thể chế;
 - ✓ Hợp tác công tư;
 - ✓ Vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài;
 - ✓ Chuỗi giá trị kinh doanh và mạng lưới xã hội;
 - ✓ Liên tục học hỏi và nâng cấp công nghệ.
 - Thách thức
 - ✓ Sự sụt giảm của các chính sách ưu đãi và vị thế danh tiếng;
 - ✓ Các đặc khu kinh tế quá giống nhau và cạnh tranh lẫn nhau;
 - ✓ Những vấn nạn về môi trường và xã hội.
 - Câu chuyện chuẩn bị cải cách của Đặng Tiểu Bình?
-

ẤN ĐỘ

- ✓ KCX Kandla ở bang Gujarat đầu tiên được thành lập năm 1965;
 - ✓ Đến 9/2010 đã cấp phép 580 KKT với 122 khu hoạt động;
 - ✓ Hướng về xuất khẩu và tạo ra nguồn thu ngoại thương lớn (+);
 - ✓ Hàng triệu nông dân vào tình trạng bấp bênh, mất các nguồn thu ngân sách → gặp phải sự phản đối mạnh mẽ (-).
 - ✓ **Nguyên nhân thất bại:**
 - Cơ sở hạ tầng yếu kém,
 - Chính sách ưu đãi không hấp dẫn,
 - Thiếu kết nối với nền kinh tế;
 - Nghi kỵ và không tin tưởng doanh nghiệp
 - Thiếu quyết tâm chính trị;
 - Bộ máy công kênh và thủ tục rườm rà;
 - Chính sách về đất đai thiếu hiệu quả.
-

HÀN QUỐC

- ✓ Quá trình hình thành và phát triển:
 - Khu xuất khẩu tự do Masan đầu tiên thành lập năm 1970, sau 3 năm hoạt động thành công mới thành lập khu thứ hai;
 - Cho đến năm 2000 tại Hàn Quốc cũng chỉ có 2 KKT;
 - Chuyển hướng sang các ngành thâm dụng vốn và CN từ thập niên 1980;
 - 2000-02, 4 Khu TMTD (FTZ) tập trung vào lĩnh vực logistic;
 - Từ 2002 thành lập 6 Khu KTTD (FEZ) với đẳng cấp thành phố thế giới;
 - Hiện nay các KKT tập trung vào công nghệ cao và kinh tế tri thức;
- ✓ Yếu tố dẫn đến thành công:
 - Những quyết sách đúng đắn và quyết tâm cao độ của người Hàn Quốc;
 - Gắn với sự hình thành và phát triển của các cụm ngành với vai trò định hướng của nhà nước nhưng khu vực tư nhân lại đóng vai trò chủ đạo;
 - Thành công của Hàn Quốc theo mô hình cụm ngành nhiều hơn là KKT;
 - Hàn Quốc đã tận dụng được các yếu tố về thiên thời, địa lợi và nhân hòa.

ĐÀI LOAN

- ✓ Cao Hùng năm 1966, sau khi số lượng doanh nghiệp đăng ký vượt quá năng lực, năm 1969 mới mở thêm 2 khu mới.
 - ✓ Chính sách ưu đãi ngành thay đổi theo từng giai đoạn:
 - Thâm dụng lao động trong thập niên 60;
 - Thâm dụng vốn trong thập niên 70;
 - Công nghệ cao cuối thập niên 80;
 - Logistic cuối thập niên 90.
 - ✓ Thành công tạo ra những kích thích cho phát triển kinh tế.
 - ✓ Yếu tố dẫn đến thành công:
 - Vị trí gần các trung tâm kinh tế lớn;
 - Quyết tâm cải cách và triển khai đến cùng của lãnh đạo quốc gia;
 - Định hướng từ ban đầu và quá trình giảm dần sự tham gia của kinh tế nhà nước;
 - Khuyến khích cũng như thúc đẩy sự tham gia của khu vực kinh tế tư nhân;
 - Thành công của Đài Loan là kết hợp giữa cụm ngành và KKT
-

INDONESIA-BATAM

- ✓ Hòn đảo 715 km² với dưới 40 nghìn người vào cuối thập niên 1970 đã tăng lên 950 nghìn người vào năm 2010;
 - ✓ 21 KCN và hơn 1000 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;
 - ✓ CSHT được phát triển đồng bộ;
 - ✓ Yếu tố dẫn đến thành công:
 - Sự ủng hộ và quyết tâm của Tổng thống Suharto và ông Habibie;
 - Cơ chế ĐKKT ở vị trí chiến lược đã giúp Batam có thể phát huy lợi thế và tránh được hệ thống hành chính quan liêu công kênh của Indonesia;
 - Sự tham gia và quyền tự chủ cao của đối tác Singapore – bên có lợi ích dài hạn từ sự thành công của dự án
 - ✓ Mô hình này không thể nhân rộng do vấn đề thể chế ở Indonesia.
-

MALAYSIA - ISKANDAR

- ✓ ĐKKT Iskandar được thành lập năm 2006
 - ✓ Trở thành một động lực phát triển quan trọng cho Malaysia
 - ✓ Các ngành được tập trung phát triển gồm: điện - điện tử, chế biến nông sản - thực phẩm, hóa dầu, du lịch, y tế, giáo dục, sáng tạo, logistic và dịch vụ tài chính.
 - ✓ Đến quý 1-2013, đã thu hút được hơn 111 tỷ ringgit (~34 tỷ USD) vốn đầu tư đăng ký với 40% đã được thực hiện.
 - ✓ Lợi thế chủ đạo của Iskandar
 - Cách Singapore 1km eo biển,
 - Kết nối trực tiếp với Singapore bằng 2 tuyến đường bộ,
 - Kết nối với 5 cảng lớn thuộc Johor và Singapore,
 - Cách sân bay Changi của Singapore 45' lái xe và Senai của Johor 20'.
-

NHỮNG YẾU TỐ TẠO RA THÀNH CÔNG HAY TRỤC TRẠC CỦA CÁC KKT

Đặc điểm	ĐKKT thành công	ĐKKT không thành công
Vị trí	Nằm gần hay kết nối một lợi thế cạnh tranh (thị trường vốn, công nghệ, nhà cung cấp nước ngoài, sân bay, cảng biển, đầu mối giao thông), có ưu thế về CSHT.	Nằm ở vùng sâu vùng xa, không có kết nối trong - ngoài nước, tốn kém đầu tư xây dựng ĐKKT và cơ sở hạ tầng xung quanh.
Ngành nghề	Có chọn lọc, phù hợp với lợi thế cạnh tranh của nền kinh tế theo từng giai đoạn.	Không phù hợp với lợi thế cạnh tranh của nền kinh tế hoặc quá lệ thuộc vào một ngành (lao động giá rẻ) trong thời gian dài.
Chính sách	Thực sự ưu đãi nổi trội, hướng đến năng lực cạnh tranh ở phạm vi toàn cầu.	Không có ưu đãi nổi trội, hoặc chủ yếu là thuế, quy định cứng nhắc rườm rà, thực hiện thiếu đồng bộ.
Gắn kết với kinh tế trong nước	Tạo những liên kết đầu vào và đầu ra với nền kinh tế trong nước.	Không có những liên kết đầu vào, đầu ra với nền kinh tế.
Cơ chế quản lý	Ban quản lý có năng lực, nguồn lực và thẩm quyền. Cơ chế một cửa hiệu quả.	Ban quản lý thiếu năng lực, nguồn lực hoặc thẩm quyền. Không rõ ràng, có nhiều cơ quan tham gia quản lý.
Vai trò của Nhà nước	Cam kết chính trị, liên minh chính trị ủng hộ từ cấp trung ương đến địa phương. Bà đỡ, tạo điều kiện, giải quyết các mâu thuẫn lợi ích (giữa các cơ quan Nhà nước)	Thiếu cam kết chính trị ủng hộ lâu dài Can thiệp quá sâu, nhằm vào lợi ích chính trị hơn là lợi thế cạnh tranh bền vững.
Vai trò khu vực tư nhân	Tham gia vào xây dựng, phát triển ĐKKT Các DN năng động trong thu hút đầu tư nước ngoài.	Ít tham gia vào phát triển ĐKKT.
Yếu tố khác	Bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế chưa cao, các KKT có thể có sức hấp dẫn nhất định.	Xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, có thể làm giảm sức hấp dẫn của ĐKKT.

CÁC BÀI HỌC KINH NGHIỆM

- ✓ Có các yếu tố thiên thời, địa lợi và nhân hòa
 - ✓ Vị trí là một trong những yếu tố vô cùng quan trọng
 - ✓ Chính sách
 - ✓ Con người và nguồn nhân lực
-

BÀI HỌC KN: CHÍNH SÁCH

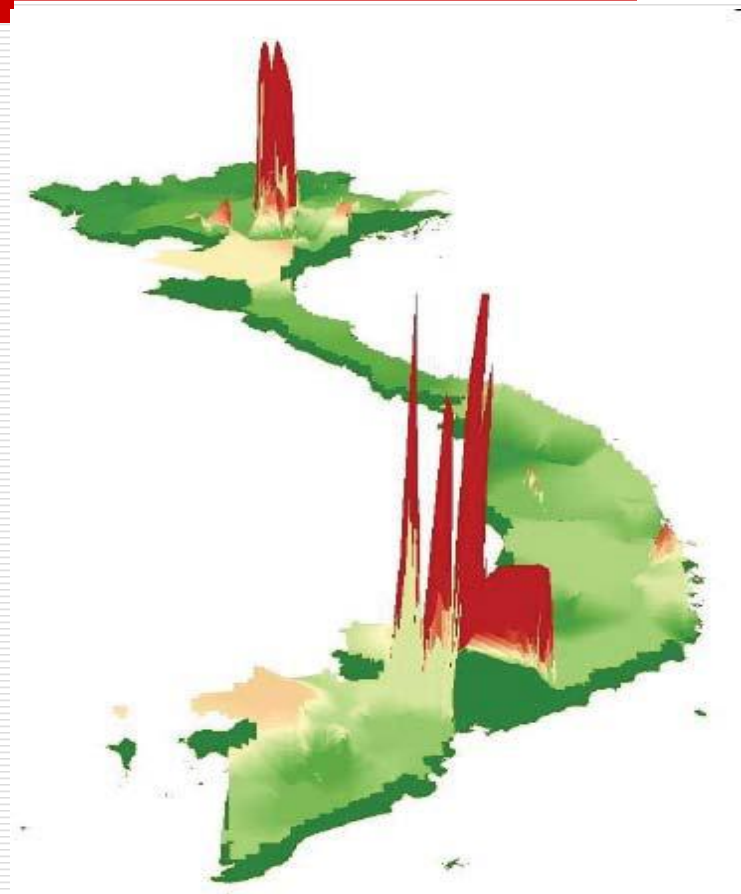
- ✓ KKT không thể và không nên được xem là biện pháp thay thế cho các nỗ lực cải cách toàn diện về thương mại đầu tư
 - ✓ Lợi ích: từ lợi ích tĩnh sang lợi ích động, từ đóng sang mở
 - ✓ Mô hình: Cần đa dạng hóa, nâng cấp và tăng cường độ mở cửa
 - ✓ Ngành nghề: Cơ hội tăng trưởng hiện nay nằm ở các ngành dịch vụ, ICT, dịch vụ kinh doanh, R&D và có hàm lượng tri thức cao.
 - ✓ Lợi thế: Các lợi thế về lao động giá rẻ, ưu đãi thương mại, tài chính chỉ có hiệu quả trong giai đoạn đầu
 - ✓ Phải điều chỉnh thể chế, chính sách của ĐKKT theo các thay đổi vĩ mô
 - ✓ Cần thay đổi chính sách từ mô hình đóng cửa theo kiểu khu chế xuất sang mô hình mới loại bỏ các rào cản pháp lý để tạo kết nối giữa ĐKKT và nền kinh tế
 - ✓ Nên thành lập trước một ĐKKT để thử nghiệm, hoàn.
-

BÀI HỌC KN – CON NGƯỜI

- ✓ Yếu tố chính trị: Cần phải có quyết tâm chính trị và vai trò của người lãnh đạo mạnh mẽ từ cấp trung ương đến địa phương trong một thời gian dài. Phần lớn các ĐKKT chỉ phát huy tác dụng sau 5-10 năm.
 - ✓ Ban quản lý ĐKKT cần có đủ thẩm quyền để làm việc với các cơ quan chính quyền khác, được trao quyền tự chủ, đủ ngân sách, chú trọng phục vụ khách hàng, thúc đẩy quan hệ đối tác với các khối tư nhân phát triển ĐKKT và doanh nghiệp.
 - ✓ Khuyến khích tư nhân tham gia xây dựng phát triển ĐKKT hơn là do Nhà nước xây dựng. Cần có khuôn khổ pháp lý quy định rõ quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp tư nhân đầu tư xây dựng ĐKKT.
 - ✓ Tạo điều kiện kết nối giữa các doanh nghiệp vừa và nhỏ với các doanh nghiệp trong ĐKKT thông qua chính sách cụm ngành (cluster-based policy).
-

KHU KINH TẾ VÀ CẢI CÁCH THỂ CHẾ Ở VIỆT NAM

1. Lịch sử hình thành
2. Đánh giá các loại hình KKT
3. KKT gắn với cải cách thể chế

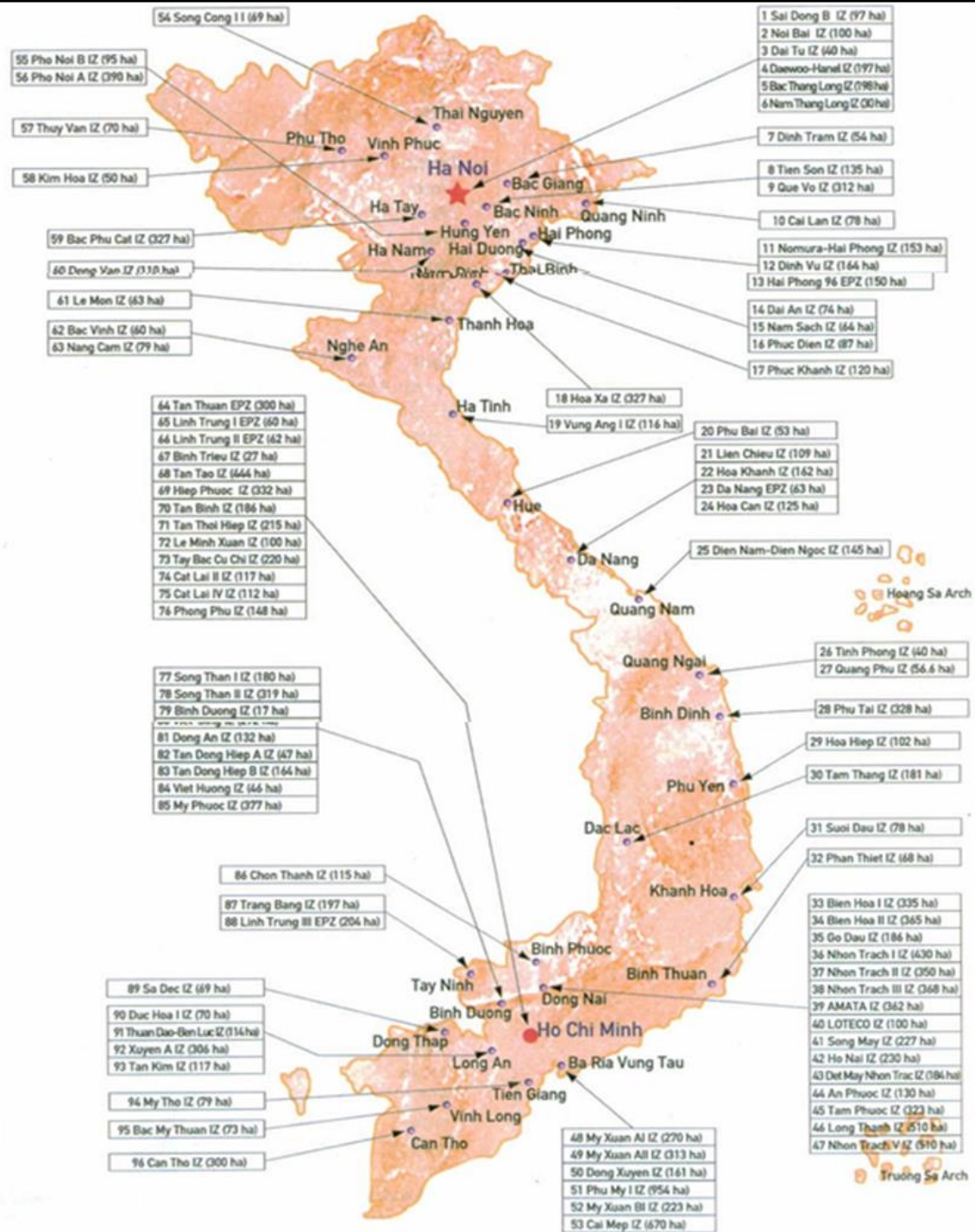


LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

- ✓ Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo năm 1979
 - ✓ Các KCX và KCN vào đầu thập niên 1990
 - ✓ Các KKT ven biển từ đầu thập niên 2000
 - ✓ Hiện đang có những thảo luận và triển khai về mô hình KKT gắn với cải cách thể chế và phát triển CSHT
-

KCX & KCN

- ✓ 283 KCN trên 58 ĐP
- ✓ 76K ha và 200K vào 2020
- ✓ Quy mô trung bình 268 ha.
- ✓ 4.113 dự án FDI với vốn đăng ký 59,6 tỉ USD.
- ✓ FDI về SXCN chiếm gần 80% tổng FDI vào CN.
- ✓ Thành công tập trung ở vùng TPHCM và vùng Hà Nội mở rộng;
- ✓ Mô hình này ở nhiều địa phương khác đang gặp trực



KHU KINH TẾ



Khu kinh tế	Địa điểm	Diện tích (ha)	Thời điểm thành lập
Tổng diện tích		607,037	
Chu Lai(*)	Quảng Nam	27,040	05/06/2003
Dung Quất(*)	Quảng Ngãi	45,332	21/03/2005
Nhơn Hội	Bình Định	12,000	14/06/2005
Chân Mây-Lăng Cô	Thừa Thiên Huế	27,108	05/01/2006
Phú Quốc(*)	Kiên Giang	58,923	14/02/2006
Vũng Áng(*)	Hà Tĩnh	22,781	03/04/2006
Vân Phong	Khánh Hoà	150,000	25/04/2006
Nghi Sơn(*)	Thanh Hóa	18,611	15/05/2006
Vân Đồn	Quảng Ninh	55,133	31/05/2006
Đông Nam Nghệ An	Nghệ An	18,826	11/06/2007
Đình Vũ - Cát Hải(*)	Hải Phòng	22,540	10/01/2008
Nam Phú Yên	Phú Yên	20,730	29/04/2008
Hòn La	Quảng Bình	10,000	10/06/2008
Định An	Trà Vinh	39,020	27/04/2009
Năm Căn	Cà Mau	11,000	23/11/2010
Đông Nam(**)	Quảng Trị	23,460	27/02/2010
Ven biển Thái Bình(**)	Thái Bình	30,583	9/02/2011
Ninh Cơ(**)	Nam Định	13,950	25/02/2011

CÁC KKT VEN BIỂN

- ✓ 15 khu tổng với diện tích 730.000 ha (2,2% diện tích cả nước và bằng 3 lần quy mô TPHCM).
 - ✓ Đến 2010, 700 dự án với vốn đăng ký 330K tỷ đồng và 33 tỷ USD (FDI)
 - ✓ Bất cập:
 - Khả năng thu hút FDI kém;
 - Tỷ lệ vốn thực hiện/tổng vốn đăng ký đầu tư thấp.;
 - Thiếu nguồn lực tài chính để đầu tư CSHT;
 - Thiếu cả lao động phổ thông và lao động có kỹ năng;
 - Các chính sách áp dụng chưa thực sự tạo sự đột phá, sự cạnh tranh môi trường đầu tư từ các nước trong khu vực.
-

DUNG QUẤT

- ✓ Cách Đà Nẵng 120km, HN&TPHCM khoảng 1000km
 - ✓ Tổng số dự án đăng ký đầu tư là 112 dự án với 14 FDI
 - ✓ Tổng vốn đăng ký khoảng 135,000 tỷ VND với 3,4 tỷ USD FDI
 - ✓ 11,000 lao động trực tiếp và 2,700 lao động gián tiếp.
 - ✓ Giá trị xuất khẩu 2011 đạt khoảng 250 triệu USD
 - ✓ Dự án lớn nhất: Nhà máy lọc dầu Dung Quất
 - ✓ Có sự khác biệt gì về chính sách cho các DN ở Dung Quất và các DN ở những nơi khác trên địa bàn Quảng Ngãi?
 - ✓ Các dự án có quy mô thực chất là qua sự chỉ đạo của tỉnh;
 - ✓ Thực ra đây là nơi được xem là tập trung phát triển công nghiệp của Quảng Ngãi.
-

CHU LAI

- ✓ Cách Đà Nẵng 70km
 - ✓ 89 dự án với 21 dự án FDI
 - ✓ Vốn đăng ký 1,5 tỷ USD đăng ký; FDI 187 triệu USD
 - ✓ 62 dự án đang hoạt động với 783 triệu USD
 - ✓ Tỷ lệ đóng ngân sách GĐ 2006 – 2010 là 58% và 3K năm 2012;
 - ✓ 14,000 lao động trực tiếp và 43,000 lao động gián tiếp
 - ✓ Doanh nghiệp lớn nhất: Ô tô Trường Hải
 - ✓ Có sự khác biệt gì về chính sách cho các DN ở Chu Lai và các DN ở những nơi khác trên địa bàn Quảng Nam?
 - ✓ Các dự án có quy mô thực chất là qua sự chỉ đạo của tỉnh;
 - ✓ Thực ra đây là nơi được xem là tập trung phát triển công nghiệp của Quảng Nam
-

VŨNG ÁNG

- ✓ Doanh nghiệp lớn nhất: Nhà máy thép Formosa
 - ✓ Có sự khác biệt gì về chính sách cho các DN ở Vũng Áng và các DN ở những nơi khác trên địa bàn Quảng Nam?
 - ✓ Các dự án có quy mô thực chất là qua sự chỉ đạo của tỉnh;
 - ✓ Thực ra đây là nơi được xem là tập trung phát triển công nghiệp của Quảng Nam
-

ĐÌNH VŨ – CÁT HẢI

- ✓ Nổi bật về khả năng thu hút vốn đầu tư, đặc biệt vốn FDI;
 - ✓ Hầu hết các dự án FDI vào Hải Phòng đều được đầu tư vào KKT Đình Vũ - Cát Hải
 - ✓ 07 dự án cấp mới trong năm 2012 với tổng vốn đầu tư 1.023 triệu USD, chiếm 78% về số dự án và 99,4% về vốn đầu tư so với kết quả thu hút FDI vào KKT, KCN trên địa bàn HP;
 - ✓ Các dự án có quy mô thực chất là qua sự chỉ đạo của Thành phố;
 - ✓ Thực ra đây là nơi được xem là tập trung phát triển công nghiệp của Hải Phòng.
-

TRỤC TRẠC CỦA KKT VEN BIỂN

- ✓ Vị trí nói chung là xa các trung tâm hay thị trường chính
 - ✓ Khả năng thu hút FDI kém;
 - ✓ Tỷ lệ vốn thực hiện/tổng vốn đăng ký đầu tư thấp.;
 - ✓ Thiếu nguồn lực tài chính để đầu tư CSHT;
 - ✓ Thiếu cả lao động phổ thông và lao động có kỹ năng;
 - ✓ Các chính sách áp dụng chưa thực sự tạo sự đột phá, sự cạnh tranh môi trường đầu tư từ các nước trong khu vực.
 - ✓ Thực ra chỉ là nơi tập trung phát triển công nghiệp của các địa phương.
-

TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ✓ Có các yếu tố cơ bản của một ĐKKT:
 - Một khu vực giới hạn về địa lý
 - Được quản lý bởi một cơ quan duy nhất
 - Cung cấp các ưu đãi nhất định
 - ✓ Thiên thời:
 - Làn sóng đầu tư nước ngoài đầu tiên vào Việt Nam
 - Tách tỉnh
 - ✓ Địa lợi:
 - Nằm cạnh TPHCM
 - Chi phí về đất đai ở Bình Dương rất rẻ và có thể thu hồi khá dễ dàng.
 - ✓ Nhân hòa:
 - Nội bộ Bình Dương đã có được sự thống nhất trong giai đoạn này
 - Hai trong ba trụ cột của các liên minh tăng trưởng là nhà nước và các doanh nghiệp đã có sự kết nối và phối hợp ăn ý.
-

CÁC CHỈ SỐ CẠNH TRANH CỦA BÌNH DƯƠNG

Chỉ số	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Gia nhập TT	7,66	8,49	7,95	8,50	8,38	6,34	8,12	8,01	6,20
Tiếp cận đất đai	7,90	6,21	7,02	7,74	7,48	7,16	6,84	6,21	7,25
Tính minh bạch	6,10	8,50	7,44	7,72	7,55	6,57	6,61	6,66	5,95
CP thời gian	6,33	7,12	7,34	6,25	8,08	6,99	6,85	5,42	6,49
CP không c-thức	8,85	6,46	7,17	6,98	6,84	7,05	7,94	7,83	6,54
Tính năng động	9,3	9,08	9,20	8,45	9,39	7,69	4,70	5,16	6,23
Hỗ trợ DN	N/A	N/A	8,38	8,08	5,68	5,60	4,07	3,19	4,86
Đào tạo lao động	N/A	6,52	7,75	6,76	6,32	5,91	5,44	5,48	5,72
Thiết chế pháp lý		5,46	5,48	6,24	5,94	5,61	6,39	3,07	5,49
Cạnh tranh BD	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	5,43
Nhất quán CS	7,40	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Ưu đãi DNNN	8,50	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
CS PT KV tư nhân	6,95	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Chỉ số PCI	76,82	76,23	77,2	71,76	74,01	65,72	63,99	59,64	58,15
Xếp hạng	1	1	1	2	2	5	10	19	30
Nhóm (*)	Rất tốt	Rất tốt	Rất tốt	Rất tốt	Rất tốt	Tốt	Tốt	Khá	Khá

(*) Các phân nhóm xếp hạng theo thứ hạng ở nhóm gần: Đẹp, Trung-dạ đẹp, Trung-bình, Khá, Tốt và Rất tốt.
Nguồn: <http://www.vj.gov.vn>, <http://www.binhduong.gov.vn>

TRỤC TRẠC Ở BÌNH DƯƠNG

- ✓ Sự kiện xảy ra trong tháng 5/2014 ảnh hưởng đến môi trường đầu tư của tỉnh
 - ✓ Những nút thắt trong cơ sở hạ tầng kết nối với các địa phương, nhất là TPHCM
 - ✓ Chi phí đất đai cũng như các yếu tố khác đã gia tăng đáng kể
 - ✓ Những trục trặc đối với đội ngũ lãnh đạo của tỉnh cũng như mối quan hệ với các doanh nghiệp
 - ✓ Sự lấn át của cách làm cũ hay sự kém hiệu quả của bộ máy quan liêu, những vấn đề cố hữu của khu vực công
-

PHÁT TRIỂN KHU NAM SÀI GÒN

- ✓ Cholimex, nhóm thứ Sáu
 - ✓ Chương trình phát triển công nghiệp Tân Thuận (IPC);
 - ✓ KCX Tân Thuận;
 - ✓ Đô thị Phú Mỹ Hưng;
 - ✓ Khu đô thị cảng Hiệp Phước
 - ✓ Phần ngân sách thu được bao gồm các khoản thuế và lợi nhuận từ phần vốn góp đã trên dưới 1 tỷ đô-la Mỹ
-

CÁC YẾU TỐ THÀNH CÔNG

- ✓ Liên minh ủng hộ và triển khai dự án có uy tín và quyết tâm cao;
 - ✓ Cơ chế chia sẻ và chuyển giao rủi ro ở khu vực công;
 - ✓ Cấu trúc đặc biệt trong sở hữu cũng như mục tiêu của phía đối tác Đài Loan;
 - ✓ Vai trò của những doanh nhân công trong dự án: Ông Phan Chánh Dưỡng và Lawrence Ting;
-

IPC – NHÂN TỐ CHÍNH

- ✓ IPC đã trở thành doanh nghiệp/tổ chức tạo ra sự thay đổi kỳ diệu của vùng đất phía nam TPHCM
 - ✓ Hình hài của sự phát triển năng động được cấu thành từ:
 - Khu đô thị khang trang và kiểu mẫu và đáng sống nhất ở Việt Nam;
 - KCX đầu tiên nhưng có thể nói là thành công nhất Việt Nam;
 - Khu đô thị cảng Hiệp Phước tạo ra những tiền đề phát triển cho chiến lược hướng ra biển đông của TPHCM; và
 - KCN Long Hậu tạo tiền đề liên kết khu vực.
 - ✓ Tài sản hay giá trị lớn nhất đối với Việt Nam từ sự phát triển khu nam Sài Gòn là nhân tố tiên phong trong cải cách và tạo mũi đột phá.
-

NHỮNG VẤN ĐỀ CÂN QUAN TÂM

- ✓ Từ một đơn vị ở vị trí tiên phong đến nay có vẻ như IPC chỉ được coi đơn thuần như con gà đẻ trứng vàng
 - ✓ TPHCM cũng đang được đối xử như vậy
 - ✓ TPHCM là môi trường rất tốt cho việc nuôi dưỡng sáng tạo, nhưng những động cơ đang bị triệt tiêu hay giới hạn lớn
-

ĐÁNH GIÁ CÁC KKT Ở VIỆT NAM

TT	Chỉ tiêu	Ven biển	Bình Dương	Nam SG
1	Số dự án, DN tham gia đầu tư	-	+	+
2	Tỷ lệ lấp đầy diện tích	-	+	+/-
3	Thu hút FDI và tỷ trọng trong FDI quốc gia	-	+	+/-
4	Số lượng lao động mới tạo ra	?	+	+
5	Kim ngạch xuất khẩu	-	+	+
6	Đóng góp vào ngân sách nhà nước	+/-	+	+
7	Chất lượng môi trường sống trong KKT	?	?	+
8	Mức độ áp dụng các công nghệ tiên tiến	?	?	?
9	Mức độ áp dụng các chính sách mới	?	+/-	?
10	Mức độ liên kết và phát triển vùng	?	?	?
11	Mức độ hỗ trợ cải cách chính sách quốc gia	?	?	?
12	Chi phí bỏ đầu tư xây dựng và quản lý	-	+	+
13	Các hậu quả từ phát triển	?	?	?

PHÂN TÍCH CÁC ĐẶC ĐIỂM

Đặc điểm	ĐKKT thành công	ĐKKT không thành công
Vị trí	Nằm gần hay kết nối một lợi thế cạnh tranh (thị trường vốn, công nghệ, nhà cung cấp nước ngoài, sân bay, cảng biển, đầu mối giao thông), có ưu thế về CSHT.	Nằm ở vùng sâu vùng xa, không có kết nối trong - ngoài nước, tốn kém đầu tư xây dựng ĐKKT và cơ sở hạ tầng xung quanh.
Ngành nghề	Có chọn lọc, phù hợp với lợi thế cạnh tranh của nền kinh tế theo từng giai đoạn.	Không phù hợp với lợi thế cạnh tranh của nền kinh tế hoặc quá lệ thuộc vào một ngành (lao động giá rẻ) trong thời gian dài.
Chính sách	Thực sự ưu đãi nổi trội, hướng đến năng lực cạnh tranh ở phạm vi toàn cầu.	Không có ưu đãi nổi trội, hoặc chủ yếu là thuế, quy định cứng nhắc rườm rà, thực hiện thiếu đồng bộ.
Gắn kết với kinh tế trong nước	Tạo những liên kết đầu vào và đầu ra với nền kinh tế trong nước.	Không có những liên kết đầu vào, đầu ra với nền kinh tế.
Cơ chế quản lý	Ban quản lý có năng lực, nguồn lực và thẩm quyền. Cơ chế một cửa hiệu quả.	Ban quản lý thiếu năng lực, nguồn lực hoặc thẩm quyền. Không rõ ràng, có nhiều cơ quan tham gia quản lý.
Vai trò của Nhà nước	Cam kết chính trị, liên minh chính trị ủng hộ từ cấp trung ương đến địa phương. Bà đỡ, tạo điều kiện, giải quyết các mâu thuẫn lợi ích (giữa các cơ quan Nhà nước)	Thiếu cam kết chính trị ủng hộ lâu dài Can thiệp quá sâu, nhằm vào lợi ích chính trị hơn là lợi thế cạnh tranh bền vững.
Vai trò khu vực tư nhân	Tham gia vào xây dựng, phát triển ĐKKT Các DN năng động trong thu hút đầu tư nước ngoài.	Ít tham gia vào phát triển ĐKKT.
Yếu tố khác	Bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế chưa cao, các KKT có thể có sức hấp dẫn nhất định.	Xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, có thể làm giảm sức hấp dẫn của ĐKKT.

NHỮNG TRỰC TRẠC ĐỐI VỚI MÔ HÌNH KHU KINH TẾ Ở VIỆT NAM

- Vị trí : Chọn các vị trí không phù hợp và dàn trải khắp mọi nơi.
 - Cơ sở hạ tầng: Hầu hết không đảm bảo cơ sở hạ tầng thiết yếu
 - Môi trường đầu tư:
 - ✓ Các quy định về ưu đãi vẫn còn nhiều bất cập, không bao hàm hết các hoạt động cần khuyến khích đầu tư, chồng chéo giữa luật đầu tư và luật thuế TNDN.
 - ✓ Không đồng bộ, thiếu thống nhất trong hệ thống pháp luật về KKT;
 - ✓ Việc thực hiện một số chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với KKT của Ban Quản lý KKT hiện nay gặp nhiều vướng mắc, khó triển khai trên thực tế
 - Nguồn nhân lực: Nguồn cung lao động yếu về số lượng và chất lượng do khả năng đào tạo nguồn lực hạn chế và chưa gắn liền với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp.
 - Quyết tâm chính trị: Ngoại trừ Dung Quất với nhà máy lọc dầu, còn lại tất cả các KKT ven biển khác vẫn thiếu vắng sự quyết liệt và quyết tâm chính trị.
-

CẢI CÁCH THỂ CHẾ GẮN VỚI MÔ HÌNH KHU KINH TẾ Ở VIỆT NAM

- ✓ Những cải cách thể chế ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới đã đem lại các kết quả ngoạn mục;
 - ✓ Những trục trặc đang nảy sinh
 - ✓ Tầm quan trọng của thể chế
 - Một chế độ sở hữu rõ ràng là thể chế nền tảng cho bất kỳ một nền kinh tế thị trường nào,...
 - Mức độ tham gia của nhân dân trong quá trình ủy trị quyền lực cho chính quyền tạo nên nền tảng cho tính chính danh để cầm quyền của bất kỳ chế độ dân chủ nào,...
 - ✓ Những thách thức đối với Việt Nam
 - ✓ Xác lập quyền sở hữu rõ ràng vẫn là một thách thức rất lớn
 - ✓ Mặc dù đạt được nhiều thành tựu trong cải cách nền hành chính và cải thiện chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, song nhìn sâu hơn những tiến bộ ít nhiều mang tính bề nổi
-

THỬ NGHIỆM CHÍNH SÁCH MỚI QUA MÔ HÌNH KHU KINH TẾ

- ✓ Tính đột phá chưa thực sự rõ ràng, không có sự khác biệt nhiều giữa các KKT và các khu chế xuất, KCN lân cận;
 - ✓ Các chính sách có xu hướng cào bằng;
 - ✓ Phân cấp không rõ ràng, thiếu tính dự báo và hoạch định rõ ràng, gây khó khăn và không đạt mục tiêu đề ra;
 - ✓ KKT thực ra chỉ là nơi tập trung phát triển công nghiệp của các địa phương;
 - ✓ Nghiêm trọng nhất là những nhân tố mới không chỉ không được nuôi dưỡng và phát huy mà chúng còn bị cản trở hoặc đồng hóa bởi cách nghĩ hay sự sơ cứng của hệ thống hiện tại
-

KẾT LUẬN: KẾT QUẢ TRÁI CHIỀU

- ✓ Mô hình KCN và KCX thành công trong giai đoạn đầu nhưng trục trặc khi mở rộng và áp dụng đại trà;
 - ✓ Mô hình KKT kể từ đầu thập niên 2000 đã không đạt được kết quả như kỳ vọng;
 - ✓ Không có sự khác biệt nhiều về mặt chính sách bên trong và bên ngoài hàng rào KKT, sức hấp dẫn thấp.
 - ✓ Trường hợp của Bình Dương và Nam Sài Gòn là rất đáng tham khảo ở các hai khía cạnh những yếu tố dẫn đến thành công và những trục trặc nảy sinh.
 - ✓ Trở thành “nạn nhân” và bị hệ thống hiện tại đồng hóa với hành chính quan liêu và nhiều vấn đề nan giải khác.
-

ĐIỀU KIỆN THÀNH CÔNG

- ✓ Vị trí, vị trí và vị trí;
 - ✓ Môi trường nuôi dưỡng sự sáng tạo và tìm tòi cái mới;
 - ✓ Luôn có những đối tác hay nhóm có lợi ích từ việc thành công của dự án;
 - ✓ Một liên minh ủng hộ và thực hiện mạnh là yếu tố làm cho dự án được thực hiện;
 - ✓ Các doanh nhân công, những người chấp nhận rủi ro và sẵn sàng đi đến cùng cùng với dự án/ý tưởng.
-

MỘT SỐ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

- ✓ Chỉ chọn một hoặc 2 KKT làm khâu đột phá
 - ✓ Đối với các KKT còn lại, chỉ xem là nơi tập trung phát triển công nghiệp của địa phương và để các địa phương tự lo
 - ✓ Cần đảm bảo bốn điều kiện khi tập trung vào đột phá
 - Vị trí
 - Lợi ích dài hạn của bên tham gia,
 - Liên minh ủng hộ và
 - Những người dám nghĩ dám làm
-

MỘT SỐ HÀM Ý CHÍNH SÁCH VỀ KHÓA CẠNH KỸ THUẬT

- ✓ Cần đảm bảo bốn điều kiện: Vị trí, lợi ích dài hạn của bên tham gia, liên minh ủng hộ và những người dám nghĩ dám làm
 - ✓ **Quy hoạch** phát triển các KKT: phải tính đến các điều kiện về khả năng cạnh tranh trong nước, khả năng liên kết vùng, tạo ra sự cạnh tranh với khu vực và quốc tế.
 - ✓ **Hình thành** một KTT: phải đánh giá tính khả thi trong huy động nguồn lực tài chính, xem xét vai trò huy động nguồn lực của khu vực tư nhân và các nhà đầu tư chiến lược.
 - ✓ Đẩy mạnh **phân cấp, phân quyền** gắn với trách nhiệm giải trình cho địa phương (ban quản lý KKT).
 - ✓ Chính sách chuẩn bị **nguồn nhân lực** về số lượng và chất lượng.
 - ✓ Chính sách mới tạo ra **sự khác biệt** cho KKT so với KCN và KCX.
-

Xin trân trọng cảm ơn!
